

IV	DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI, THẨM QUYỀN CỦA SỞ XÂY DỰNG (53 TTHC)				
1	Công nhận Ban Quản trị nhà chung cư	1.012888. H17	Nhà ở và công sở	X	
2	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
3	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
4	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
11	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
12	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		
13	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1.009447. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
15	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
16	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
17	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
18	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1.003658. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
19	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001218. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
20	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
21	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2.001215. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
22	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001212. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
24	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
25	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274. H17	Đường bộ		X
26	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314. H17	Đường bộ	X	
27	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cô động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921. H17	Đường bộ	X	
28	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061. H17	Đường bộ	X	
29	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013225. H17	Hoạt động xây dựng		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
30	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013229. H17	Hoạt động xây dựng		
31	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013232. H17	Hoạt động xây dựng		X
32	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013226. H17	Hoạt động xây dựng		X
33	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo	1.013227. H17	Hoạt động xây dựng	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ				
34	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1.013228. H17	Hoạt động xây dựng	X	
35	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1.013239. H17	Hoạt động xây dựng	X	
36	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	1.013234. H17	Hoạt động xây dựng	X	
37	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	
38	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014155. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
39	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014156. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
40.	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014157. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
41.	Phê duyệt chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
V	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ CẤP XÃ CỦA SỞ XÂY DỰNG (12 TTHC ĐẶC THÙ)				
42	Cấp Giấy phép thi công lắp đặt cấp nước cho các hộ dân	1.009159	Hạ tầng kỹ thuật		X
43	Cấp phép thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình trên mặt đường bộ đang khai thác	1.009160	Hạ tầng kỹ thuật		X
44	Cấp giấy phép thi công các công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường bộ	1.009161	Hạ tầng kỹ thuật		X
45	Cấp giấy phép thi công mở đường ngang đầu nối vào đường chính đang khai thác	1.009162	Hạ tầng kỹ thuật		X
46	Cấp phép thi công các công trình liên quan khác	1.009163	Hạ tầng kỹ thuật		X
47	Cấp phép xử lý các sự cố đột xuất về mặt kỹ thuật của các công trình ngầm như: thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cấp điện, cấp ga và các công trình liên quan khác	1.009164	Hạ tầng kỹ thuật		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
48	Đăng ký cấp giấy phép thi công chỉnh trang, gia cố vỉa hè, hạ bó vỉa hè	1.009165	Hạ tầng kỹ thuật		X
49	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp xã	1.011680 Mã mới: 1.014052	Hạ tầng kỹ thuật		X
50	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ	1.009122	Hoạt động xây dựng		X
51	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với các công trình công cộng bao gồm nhà để xe, bãi để xe, nhà vệ sinh công cộng trên đất do Nhà nước quản lý (theo thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 62/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024)	1.013316	Hoạt động xây dựng		X
52	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp xã	1.011679 (mã mới 1.014053)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng		X
53	Cấp mới/cấp lại Giấy chứng nhận số nhà	1.009141	Nhà ở	X	

IX	DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI, THẨM QUYỀN CỦA SỞ XÂY DỰNG (211 TTHC)
-----------	---------------------------------------------------------------------------

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794. H17	Quản lý chất lượng công trình xây dựng		X
2	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	1.009788. H17	Quản lý chất lượng công trình xây dựng		X
3	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791. H17	Quản lý chất lượng công trình xây dựng		X
4	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1.009444. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
5	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
6	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009456. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
7	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242. H17	Hàng hải và đường	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
			thủy nội địa		
8	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
9	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
10	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
11	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
12	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	1.003135. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.002001. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.001998. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
15	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
16	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
17	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
18	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
20	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
21	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930. H17	Hàng hải và đường	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
			thủy nội địa		
23	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
24	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	1.003614. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
25	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	1.003592. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
26	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	1.009440. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
27	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	1.009441. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
28	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.004239. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
29	Phê duyệt Kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.003570. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
30	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy	1.004137. H17	Hàng hải và đường	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		thủy nội địa		
31	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
32	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
33	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.009458. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
34	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
35	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
36	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
37	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	1.009446. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
38	Công bố đóng cảng, bên thủy nội địa	1.009447. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
39	Thiết lập khu neo đậu	1.009448. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
40	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
41	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
42	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
43	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
44	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải từ bờ ra đảo	2.000795. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
45	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	1.003640. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
46	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	2.002624. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
47	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	1.001223. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
48	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	1.000940. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
49	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	1.007949. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
50	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	1.000892. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
51	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	2.000378. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
52	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	1.013466. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
53	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	1.013467. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
54	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	1.013468. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
55	Đổi tên cảng cạn	1.001870. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
56	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	1.002771. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
57	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng thủy nội địa và hành trình trên tuyến đường thủy nội địa nội tỉnh)	1.000344. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
58	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới (phương tiện thủy thuộc quyền quản lý của địa phương Nhóm 1, 2 và Nhóm Đặc biệt)	1.004259. H17	Hàng hải và đường thủy nội địa	X	
59	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	1.005024.H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X
60	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	1.005021.H17	Hàng hải và đường thủy nội địa		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
61	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.014190.H17	Du lịch	X	
62	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.014191.H17	Du lịch		X
63	Cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.014192.H17	Du lịch		X
64	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001046. H17	Đường bộ		X
65	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001061. H17	Đường bộ		X
66	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	1.000028. H17	Đường bộ		X
67	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861. H17	Đường bộ		X
68	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	2.000769. H17	Đường bộ		X
69	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1.000703. H17	Đường bộ		X
70	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của	2.002286. H17	Đường bộ		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi				
71	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287. H17	Đường bộ	X	
72	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	2.002288. H17	Đường bộ	X	
73	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	2.002285. H17	Đường bộ	X	
74	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261. H17	Đường bộ	X	
75	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707. H17	Đường bộ	X	
76	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046. H17	Đường bộ	X	
77	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286. H17	Đường bộ	X	
78	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737. H17	Đường bộ	X	
79	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063. H17	Đường bộ	X	
80	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577. H17	Đường bộ	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
81	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765. H17	Đường bộ		X
82	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.004993. H17	Đường bộ	X	
83	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751. H17	Đường bộ		X
84	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1.001777. H17	Đường bộ		X
85	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	1.005210. H17	Đường bộ	X	
86	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1.001623. H17	Đường bộ		X
87	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268. H17	Đường bộ	X	
88	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1.013277. H17	Đường bộ	X	
89	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274. H17	Đường bộ	X	
90	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314. H17	Đường bộ	X	
91	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cô động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ	2.001921. H17	Đường bộ	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	tăng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ				
92	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061. H17	Đường bộ	X	
93	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877. H17	Đường bộ	X	
94	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856. H17	Đường bộ	X	
95	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023. H17	Đường bộ	X	
96	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660. H17	Đường bộ		X
97	Công bố lại bến xe khách	1.000672. H17	Đường bộ		X
98	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	1.013276. H17	Đường bộ	X	
99	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	1.002798. H17	Đường bộ	X	
100	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	1.010702. H17	Đường bộ	X	
101	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	1.010704. H17	Đường bộ	X	
102	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	1.002829. H17	Đường bộ	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
103	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	1.002817. H17	Đường bộ	X	
104	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	2.001034. H17	Đường bộ	X	
105	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	1.002334. H17	Đường bộ	X	
106	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	1.002847. H17	Đường bộ	X	
107	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	1.000302. H17	Đường bộ	X	
108	Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	1.000321. H17	Đường bộ	X	
109	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	1.001666. H17	Đường bộ		X
110	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	1.001692. H17	Đường bộ	X	
111	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	1.001725. H17	Đường bộ	X	
112	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	1.001717. H17	Đường bộ	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
113	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	1.001284. H17	Đăng kiểm		
114	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	1.013089. H17	Đăng kiểm		
115	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	1.013092. H17	Đăng kiểm		
116	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	1.013097. H17	Đăng kiểm		
117	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013101. H17	Đăng kiểm		
118	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	1.005103. H17	Đăng kiểm		
119	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	1.013206. H17	Đăng kiểm		
120	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105. H17	Đăng kiểm		X
121	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110. H17	Đăng kiểm		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
122	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322. H17	Đăng kiểm		X
123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296. H17	Đăng kiểm		X
124	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	1.005091. H17	Đăng kiểm		
125	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	1.001131. H17	Đăng kiểm		
126	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	1.013223. H17	Hoạt động xây dựng		X
127	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013237. H17	Hoạt động xây dựng		X
128	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013217. H17	Hoạt động xây dựng	X	
129	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013219. H17	Hoạt động xây dựng	X	
130	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn	1.013236. H17	Hoạt động xây dựng		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).				
131	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.013238. H17	Hoạt động xây dựng		X
132	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.013230. H17	Hoạt động xây dựng		X
133	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1.013231. H17	Hoạt động xây dựng		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
134	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013233. H17	Hoạt động xây dựng	X	
135	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013235. H17	Hoạt động xây dựng	X	
136	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013222. H17	Hoạt động xây dựng	X	
137	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013224. H17	Hoạt động xây dựng	X	
138	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1.013239. H17	Hoạt động xây dựng	X	
139	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây	1.013234. H17	Hoạt động xây dựng	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh				
140	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	1.012900. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
141	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	1.012901. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
142	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	1.012902. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
143	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây nhà ở	1.012903. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
144	Thủ tục đăng ký cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	1.012904. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
145	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	1.013777. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
146	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.	1.012905. H17	Kinh doanh bất động sản	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
147	Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	1.012906. H17	Kinh doanh bất động sản		X
148	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác).	1.012907. H17	Kinh doanh bất động sản	X	
149	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn)	1.012910. H17	Kinh doanh bất động sản		X
150	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	1.007765. H17	Nhà ở và công sở		X
151	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	1.013769. H17	Nhà ở và công sở	X	
152	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	1.012891. H17	Nhà ở và công sở	X	
153	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	1.012882. H17	Nhà ở và công sở	X	
154	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.012883. H17	Nhà ở và công sở	X	
155	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung	1.012884. H17	Nhà ở và công sở		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	cur đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng				
156	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012885. H17	Nhà ở và công sở	X	
157	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012886. H17	Nhà ở và công sở	X	
158	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	1.012887. H17	Nhà ở và công sở	X	
159	Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.012890. H17	Nhà ở và công sở	X	
160	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	1.012892. H17	Nhà ở và công sở		X
161	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	1.012897. H17	Nhà ở và công sở		X
162	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	1.012898. H17	Nhà ở và công sở	X	
163	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012893. H17	Nhà ở và công sở		X
164	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894. H17	Nhà ở và công sở		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
165	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	1.012895. H17	Nhà ở và công sở	X	
166	Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	1.012896. H17	Nhà ở và công sở		X
167	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	3.000506. H17	Nhà ở và công sở	X	
168	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	3.000507. H17	Nhà ở và công sở	X	
169	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	3.000508. H17	Nhà ở và công sở	X	
170	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014155. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
171	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư	1.014156. H17	Quy hoạch đô thị và		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
	đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		nông thôn		
172	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014157. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
173	Phê duyệt chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn		X
174	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159. H17	Quy hoạch đô thị và nông thôn	X	
175	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc		X
176	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	1.008989. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	X	
177	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	1.008990. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
178	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	X	
179	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	X	
180	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992. H17	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	X	
181	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705. H17	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		X
182	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011708. H17	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
183	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710. H17	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	X	
184	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011711. H17	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		X
185	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1.006871. H17	Vật liệu xây dựng	X	
186	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116. H17	Giám định tư pháp	X	
187	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675. H17	Giám định tư pháp	X	
188	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1.002693. H17	Hạ tầng kỹ thuật		X

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
189	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống) (UBND TP đối với chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do UBND TP tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì.	1.004883. H17	Đường sắt	X	
190	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005126. H17	Đường sắt	X	
191	Bãi bỏ đường ngang	1.000294. H17	Đường sắt	X	
192	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005058. H17	Đường sắt	X	
193	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	1.010000. H17	Đường sắt	X	
194	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	1.004844. H17	Đường sắt	X	
195	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	1.005075. H17	Đường sắt	X	
196	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	1.004691. H17	Đường sắt	X	
197	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	1.004685. H17	Đường sắt	X	
198	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	1.004681. H17	Đường sắt	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
199	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	3.000424. H17	Quản lý công sản	X	
200	Khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	3.000425. H17	Quản lý công sản	X	
201	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt đô thị	3.000429. H17	Quản lý công sản	X	
202	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	3.000434. H17	Quản lý công sản	X	
X	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ CẤP TỈNH CỦA SỞ XÂY DỰNG (09 TTHC ĐẶC THÙ)				
203	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với các công trình công cộng bao gồm nhà để xe, bãi để xe, nhà vệ sinh công cộng trên đất do Nhà nước quản lý (theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 62/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024)	1.013315.H17	Hoạt động xây dựng		X
204	Cấp Giấy phép cho phương tiện vận tải vào đường cấm; dừng, đỗ xe tại khu vực cấm	1.008620 (mã mới 1.014029)	Đường bộ	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	
				Toàn trình	Một phần
205	Cấp Giấy phép cho phương tiện vận tải ra vào thành phố Đà Nẵng (giờ cao điểm)	1.008621 (mã mới 1.014038)	Đường bộ	X	
206	Cấp Giấy phép cho phương tiện vận tải phục vụ giải quyết sự cố	1.008643 (mã mới 1.014040)	Đường bộ	X	
207	Cấp Giấy phép thi công lắp đặt công trình	1.008662 (mã mới 1.014042)	Đường bộ	X	
208	Cấp Giấy phép thi công các công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường bộ	1.008663 (mã mới 1.014048)	Đường bộ	X	
209	Cấp Giấy phép thi công đường ngang đầu nối vào đường chính đang khai thác	1.008664 (mã mới 1.014049)	Đường bộ	X	
210	Cấp Giấy phép thi công Xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật của các công trình ngầm như: thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, cấp điện, cấp ga và các công trình liên quan khác	1.008665 (mã mới 1.014050)	Đường bộ	X	
211	Cấp Giấy phép thi công lắp đặt bảng quảng cáo trong phạm vi đất dành cho đường bộ	1.008689 (mã mới 1.014051)	Đường bộ	X	